ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 41/2020/QĐ-UBND	*Vĩnh Long, ngày 31 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng Ngân sách nhà nước của Cảng vụ đường thủy nội địa Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Thông tư số 83/2015/TT-BGTVT ngày 30/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức và hoạt động của cảng vụ đường thủy nội địa;

Thực hiện Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng Ngân sách nhà nước của Cảng vụ đường thủy nội địa Vĩnh Long".

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
-TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐ. VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học –Công báo;
- Lưu: VT, 5.09.05.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Trung

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VĨNH LONG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thuyết minh xây dựng định mức

Định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng Ngân sách nhà nước của Cảng vụ đường thủy nội địa Vĩnh Long là cơ sở xây dựng dự toán ngân sách nhà nước và đơn giá cho hoạt động của đơn vị Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh Vĩnh Long. Được xây dựng trên cơ sở các văn bản do cơ quan Trung ương và của tỉnh ban hành còn hiệu lực và đang được áp dụng :

- Thông tư số 64/2014/TT-BGTVT ngày 10/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; Thông tư số 25/2016/TT-BGTVT ngày 03/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 64/2014/TT-BGTVT ngày 10/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải;

-Thông tư số 12/2018/TT-BGTVT, ngày 28/3/2018 của Bộ Giao thông vận tải quy địnhvề công tác phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

- Thông tư số 83/2015/TT-BGTVT ngày 30/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức và hoạt động của cảng vụ đường thủy nội địa;

- Nghị quyết số 89/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng Ngân sách nhà nước của Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh Vĩnh Long gồm nội dung sau :

a) Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đường thuỷ nội địa do địa phương quản lý.

b) Quy định nơi neo đậu cho các phương tiện thuỷ nội địa trong vùng nước cảng, bến thuỷ nội địa.

c) Kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về an toàn giao thông và bảo vệ môi trường của phương tiện đường thuỷ nội địa; kiểm tra bằng, chứng chỉ chuyên môn của người điều khiển phương tiện; cấp phép cho phương tiện ra vào cảng, bến thuỷ nội địa.

d) Kiểm tra điều kiện an toàn đối với cầu tàu, bến, luồng, báo hiệu và các công trình khác có liên quan trong phạm vi cảng, bến thuỷ nội địa; khi phát hiện có dấu hiệu mất an toàn phải thông báo cho tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xử lý kịp thời.

đ) Giám sát việc khai thác, sử dụng cầu tàu, bến đảm bảo an toàn, yêu cầu tổ chức, cá nhân khai thác cảng, bến thuỷ nội địa tạm ngừng khai thác cầu tàu, bến khi xét thấy có ảnh hưởng đến an toàn cho người, phương tiện hoặc công trình.

e) Tổ chức tìm kiếm, cứu người, hàng hoá, phương tiện bị nạn trong vùng nước cảng, bến thuỷ nội địa; Huy động phương tiện, thiết bị, nhân lực trong khu vực cảng, bến thuỷ nội địa để tham gia cứu người, hàng hoá, phương tiện trong trường hợp khẩn cấp và xử lý ô nhiễm môi trường trong phạm vi cảng, bến thuỷ nội địa; Tham gia lập biên bản, kết luận nguyên nhân tai nạn, sự cố trong vùng nước cảng, bến thuỷ nội địa; yêu cầu các bên có liên quan khắc phục hậu quả tai nạn.

g) Xử phạt vi phạm hành chính; lưu giữ phương tiện; thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

h) Chủ trì phối hợp hoạt động với các cơ quan quản lý nhà nước khác tại cảng, bến thuỷ nội địa có tiếp nhận phương tiện nước ngoài (nếu có).

i) Xây dựng quy hoạch phát triển cảng, bến thuỷ nội địa trong phạm vi quản lý khi có yêu cầu.

2. Đối tượng áp dụng

Định mức kinh tế - kỹ thuật này áp dụng cho đơn vị Cảng vụ đường thủy nội địa Vĩnh Long làm cơ sở xây dựng dự toán ngân sách nhà nước và đơn giá cho hoạt động Cảng vụ đường thủy nội địa tại cảng, bến thuộc trách nhiệm quản lý.

Điều 3. Nội dung định mức

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng Ngân sách nhà nước của Cảng vụ đường thủy nội địa Vĩnh Long bao gồm các định mức thành phần:

1. Định mức lao động

Định mức lao động bao gồm thời gian lao động hao phí để hoàn thành một đơn vị sản phẩm (thực hiện một bước công việc) được tính bằng tổng của định mức lao động phục vụ và định mức lao động quản lý.

- Định mức lao động phục vụ là tổng thời gian lao động phụ trợ thực hiện các chức năng phục vụ cho xử lý một đơn vị sản phẩm.

- Định mức lao động quản lý là tổng thời gian lao động thực hiện chức năng quản lý để xử lý một đơn vị sản phẩm.

2. Định mức thiết bị, vật tư

a) Định mức thiết bị

- Định mức thiết bị là thời gian sử dụng thiết bị cần thiết đối với từng loại thiết bị để hoàn thành ra một đơn vị sản phẩm.

- Thời hạn sử dụng thiết bị là thời gian dự kiến sử dụng thiết bị để cung cấp dịch vụ trong điều kiện bình thường, phù hợp với các thông số kinh tế - kỹ thuật của thiết bị.

- Điện năng tiêu thụ của các thiết bị dùng điện được tính trên cơ sở công suất của thiết bị, 8 giờ làm việc trong 1 ngày và định mức sử dụng thiết bị.

b) Định mức vật tư

Định mức vật tư là số lượng vật tư cần thiết hoàn thành một đơn vị sản phẩm.

Chương II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VĨNH LONG

Điều 4. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đường thuỷ nội địa do địa phương quản lý

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	**Định mức lao động trực tiếp**	**Giờ/ngày**	**56**
	Trông coi ca nô công tác (2 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	16
	Trực phòng chống bão, tìm kiếm cứu nạn (5 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	40
2	**Định mức thiết bị, vật tư**		
	Áo phao cứu sinh	Cái/năm	20
	Dụng cụ nổi (cứu nạn)	Cái/năm	20
	Sổ ghi chép	Quyển/năm	1
	Viết	Cây/năm	10
	Giấy A4	Gram/năm	4
	Bìa sơ mi cột dây	Cái/năm	10
	Bìa sơ mi cài nút	Cái/năm	10
3	**Nhiên liệu:** dùng cho Ca nô 125CV		

	Xăng	Lít/giờ	60
	Nhớt	%	2
4	**Công tác phí trong tỉnh**		
	(7 người x 1 ngày) (tính khoảng cách trên 15km theo Nghị quyết 89 của HĐND tỉnh Vĩnh Long)	Người/ngày	7

Điều 5. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ Quy định nơi neo đậu cho các phương tiện thuỷ nội địa trong vùng nước cảng, bến thuỷ nội địa

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	**Định mức lao động trực tiếp**	**Giờ/ ngày**	**64**
	Lãnh đạo (1 người x 1 ngày x 8 giờ), Giám đốc, phó Giám đốc luân phiên	Giờ	8
	Chuyên viên bộ phận chuyên môn (1 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	8
	3 Tổ Cảng vụ quản lý địa bàn (6 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	48
2	**Định mức thiết bị, vật tư**		
	Sổ ghi chép	Quyển/năm	5
	Viết	Cây/năm	15
	Giấy A4	Gram/năm	2
	Bìa sơ mi cột dây	Cái/năm	10
	Bìa sơ mi cài nút	Cái/năm	10
3	**Nhiên liệu:** dùng cho xe mô tô		
	Xăng: 0,15 lít/km (tính khoảng cách trên 15km theo Nghị quyết 89 của HĐND tỉnh Vĩnh Long)	**Lít/ngày**	**27.3**
	Tổ Cảng vụ số 1:		**7.8**
	Địa bàn: TP Vĩnh Long, Long Hồ = 34km (đi và về) x 0,15lít/km	Lít/ngày	5.1
	Địa bàn TPVL và Long Hồ, một ngày đi kiểm tra 02 lượt		
	Địa bàn: Mang Thít = 54km (đi và về) x 0,15lít/km	Lít/ngày	2.7
	Tổ Cảng vụ số 2:		**10.5**
	Địa bàn: Bình Minh = 58km (đi và về) x 0,15lít/km	Lít/ngày	2.9
	Địa bàn: Bình Tân = 84km (đi và về) x 0,15lít/km	Lít/ngày	4.2
	Địa bàn: Tam Bình = 68km (đi và về) x 0,15lít/km	Lít/ngày	3.4
	Tổ Cảng vụ số 3:		**9**
	Địa bàn: Vũng Liêm = 86km (đi và về) x 0,15lít/km	Lít/ngày	4.3
	Địa bàn: Trà Ôn = 94km (đi và về) x 0,15lít/km	Lít/ngày	4.7
4	**Công tác phí trong tỉnh**		
	(8 người x 1 ngày/tháng) (tính khoảng cách trên 15km theo Nghị quyết 89 của HĐND tỉnh Vĩnh Long)	Người/ngày	8

Ghi chú: *Phần nhiên liệu tính cho 1 xe mô tô theo từng địa bàn quản lý của từng Tổ Cảng vụ:*

+ Địa bàn Tổ Cảng vụ số 1: (tính 0,15 lít /km x số km lượt đi và về, theo Nghị quyết 89 của của HĐND tỉnh Vĩnh Long); tại địa bàn này quản lý nhiều bến vật liệu xây dựng hoạt động liên tục nên 01 ngày đi kiểm tra 02 lần.

+ Địa bàn Tổ Cảng vụ số 2: do quản lý 03 huyện, mỗi ngày Tổ Cảng vụ phải kiểm tra hết 03 huyện khép kín địa bàn nên tính bình quân tổng số km của 03 huyện x 0,15 lít/km chia cho 03 huyện

+ Địa bàn Tổ Cảng vụ số 3: tính giống như địa bàn Tổ Cảng vụ số 2.

Điều 6. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ Kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về an toàn giao thông và bảo vệ môi trường của phương tiện đường thuỷ nội địa; kiểm tra bằng, chứng chỉ chuyên môn của người điều khiển phương tiện; cấp phép cho phương tiện ra vào cảng, bến thuỷ nội địa

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	**Định mức lao động trực tiếp**	**Giờ/ ngày**	**64**
	Lãnh đạo (1 người x 1 ngày x 8 giờ), Giám đốc và phó Giám đốc luân phiên	Giờ	8
	Chuyên viên bộ phận chuyên môn (1 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	8
	3 Tổ cảng vụ quản lý địa bàn (6 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	48
2	**Định mức thiết bị, vật tư**		
	Biên bản kiểm tra xử phạt vi phạm hành chính	Quyển/năm	12
	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Quyển/năm	12
	Giấy phép ra, vào bến	Quyển/năm	15
	Sổ thống kê phương tiện ra, vào bến	Quyển/năm	2
	Viết (bình quân một tháng 2 cây/ người)	Cây/năm	192
	Giấy A4	Gram/năm	10
	Bìa sơ mi cài nút	Cái/năm	20
3	**Nhiên liệu:** dùng cho xe mô tô		
	Áp dụng như Khoản 3 của Điều 5	Lít/ngày	27.3
4	**Công tác phí trong tỉnh**		
	(8 người x 1ngày) (tính khoảng cách trên 15km theo Nghị quyết 89 của HĐND tỉnh Vĩnh Long)	Người/Ngày	8
5	**Công tác liên ngành (phối hợp cơ quan chức năng)**		
	(2 người gồm: 1 lãnh đạo, 1 chuyên viên)	Giờ/ngày	16
	Phương tiện ô tô: (thuê)	Chuyến	1
	Công tác phí trong tỉnh (2 người x 1 ngày)	Người/ngày	2

Ghi chú: *Trực lãnh đạo (Giám đốc hoặc Phó Giám đốc) và 01 chuyên viên bộ phận chuyên môn trực thêm giờ tại đơn vị xử lý cấp phép cho phương tiện ra vào cảng, bến thuỷ nội địa.*

Điều 7. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ Kiểm tra điều kiện an toàn đối với cầu tàu, bến, luồng, báo hiệu và các công trình khác có liên quan trong phạm vi cảng, bến thuỷ nội địa; khi phát hiện có dấu hiệu mất an toàn phải thông báo cho tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xử lý kịp thời.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	**Định mức lao động trực tiếp**	**Giờ/ngày**	**32**
	Lãnh đạo (1 người x 1 ngày x 8 giờ), Giám đốc và phó Giám đốc luân phiên	Giờ	8
	Nhân viên lái ca nô (1 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	8
	01 Tổ cảng vụ quản lý địa bàn (2 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	16
2	**Định mức thiết bị, vật tư**		
	Áo phao cứu sinh	Cái/năm	6
	Sổ ghi chép	Quyển/năm	1
	Viết	Cây/năm	8
	Giấy A4	Gram/năm	6
	Bìa sơ mi cột dây	Cái/năm	20
	Bìa sơ mi cài nút	Cái/năm	20
	Biên bản kiểm tra	Quyển/năm	5
	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Quyển/năm	5
3	**Nhiên liệu:** dùng cho Ca nô 125CV		
	Xăng (60 lít/ giờ)	Lít/giờ	60
	Nhớt	%	2
4	**Công tác phí trong tỉnh**		
	(4 người x 1ngày) (tính khoảng cách trên 15km theo Nghị quyết 89 của HĐND tỉnh Vĩnh Long)	Người/ngày	4

Ghi chú: *Đi công tác bằng phương tiện ca nô tính cho 01 chuyến đi gồm 04 người, dự kiến là: Mỗi quý đi công tác 01 chuyến, mỗi chuyến là 10 ngày.*

Điều 8. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ Giám sát việc khai thác, sử dụng cầu tàu, bến đảm bảo an toàn, yêu cầu tổ chức, cá nhân khai thác cảng,

bến thuỷ nội địa tạm ngừng khai thác cầu tàu, bến khi xét thấy có ảnh hưởng đến an toàn cho người, phương tiện hoặc công trình.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	**Định mức lao động trực tiếp**	**Giờ/ngày**	**64**
	Lãnh đạo (1 người x 1ngày x 8 giờ), Giám đốc và phó Giám đốc	Giờ	8
	luân phiên.		
	Chuyên viên (1 người x 1ngày x 8 giờ)	Giờ	8
	3 tổ cảng vụ quản lý địa bàn (6 người x 1ngày x 8 giờ)	Giờ	48
2	**Định mức thiết bị, vật tư**		
	Biên bản kiểm tra	Quyển/năm	4
	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Quyển/năm	4
	Viết (bình quân một tháng 2 cây/ người)	Cây/năm	192
	Giấy A4	Gram/năm	6
	Bìa sơ mi cột dây	Cái/năm	20
	Bìa sơ mi cài nút	Cái/năm	20
3	**Nhiên liệu**: dùng cho xe mô tô	Ngày	
	Áp dụng như Khoản 3 Điều 5	**Lít/ngày**	**27.3**
4	**Công tác phí trong tỉnh**		
	(8 người x 1 ngày) (tính khoảng cách trên 15km theo Nghị quyết 89 của HĐND tỉnh Vĩnh Long)	Người/ ngày	8
5	Thuê xe ô tô cho lãnh đạo và bộ phận chuyên môn đi giám sát điều kiện an toàn cảng, bến thuộc trách nhiệm quản lý.	Chuyến	1

Ghi chú: *Thuê xe ô tô đi công tác (giá thuê thực tế theo quy định hiện hành)*

Điều 9. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ Tổ chức tìm kiếm, cứu người, hàng hoá, phương tiện bị nạn trong vùng nước cảng, bến thuỷ nội địa; Huy động phương tiện, thiết bị, nhân lực trong khu vực cảng, bến thuỷ nội địa để tham gia cứu người, hàng hoá, phương tiện trong trường hợp khẩn cấp và xử lý ô nhiễm môi trường trong phạm vi cảng, bến thuỷ nội địa; Tham gia lập biên bản, kết luận nguyên nhân tai nạn, sự cố trong vùng nước cảng, bến thuỷ nội địa; yêu cầu các bên có liên quan khắc phục hậu quả tai nạn.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	**Định mức lao động trực tiếp**	**Giờ/ngày**	**48**
	Lãnh đạo (1 người x 1 ngày x 8 giờ), Giám đốc hoặc phó Giám đốc	Giờ	8
	Nhân viên lái ca nô (1 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	8
	Trực tiếp tìm kiếm cứu nạn (4 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	32
2	**Định mức thiết bị, vật tư**		
	Áo phao cứu sinh	Cái/năm	20

	Dụng cụ nổi (cứu nạn)	Cái/năm	20
	Sổ ghi chép	Quyển/năm	3
	Viết	Cây/năm	12
	Giấy A4	Gram/năm	3
	Bìa sơ mi cài nút	Cái/năm	20
	Bìa sơ mi cột dây	Cái/năm	20
	Biên bản kiểm tra	Quyển/năm	1
3	**Nhiên liệu:** dùng cho Ca nô 125CV		
	Xăng (60 lít/ giờ)	Lít/giờ	60
	Nhớt	%	2
4	**Công tác phí trong tỉnh**		
	(6 người x 1 ngày) (tính khoảng cách trên 15km theo Nghị quyết 89 của HĐND tỉnh Vĩnh Long)	Người/ngày	6

Ghi chú: *Đi công tác bằng phương tiện ca nô trên 01 lần đi gồm 06 người (01 lãnh đạo và 05 cảng vụ viên)*

Điều 10. Định mức kinh tế - kỹ thuật Xử phạt vi phạm hành chính; lưu giữ phương tiện; thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	**Định mức lao động trực tiếp**	**Giờ/ngày**	**96**
	Lãnh đạo (1 người x 1 ngày x 8 giờ), Giám đốc	Giờ	8
	3 tổ cảng vụ quản lý địa bàn (6 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	48
	Lãnh đạo phòng (1 người x 1ngày x 8 giờ), trưởng hoặc phó	Giờ	8
	Kế toán (kê biên lai, lập phiếu thu) (1 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	8
	Thủ quỹ kiêm văn thư xử lý công việc hành chính và thu tiền (1 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	8
	Lãnh đạo (1 người x 1ngày x 8 giờ), Phó Giám đốc chỉ đạo (Bộ phận quản lý cảng bến)	Giờ	8
	Chuyên viên xử lý công việc (1 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	8
2	**Định mức thiết bị, vật tư**		
	Biên bản kiểm tra	Quyển/năm	12
	Viết (bình quân một tháng 2 cây/ người)	Cây/năm	192
	Giấy A4	Gram/năm	10
	Giấy bìa A4 màu	Gram/năm	2
	Bìa sơ mi cài nút	Cái/năm	20
	Bìa sơ mi cột dây	Cái/năm	20
	Sổ tay công tác	Quyển/năm	12
	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Quyển/năm	12
	Biên lai thu phí, lệ phí	Quyển/năm	300
	In tờ rơi tuyên truyền chủ trương, chính sách pháp luật (chủ bến và phương tiện)	Tờ/năm	1000

3	**Nhiên liệu:** dùng cho xe mô tô		
	Áp dụng như Khoản 3 Điều 5	Lít/ngày	27.3
4	**Công tác phí trong tỉnh**		
	(8 người x 1 ngày) (tính khoảng cách trên 15km theo Nghị quyết 89 của HĐND tỉnh Vĩnh Long)	Ngày/ người	8
5	**Dự kiến đi công tác Hà Nội (tính 2 chuyến)**		
	Vé máy bay khứ hồi	Chuyến	2
	Phụ cấp lưu trú đi công tác	Chuyến	2
	Thuê phòng nghỉ	Phòng	2
	Chi phí thuê xe ô tô đi và về từ đơn vị đến sân bay lượt đi và về	Chuyến	2
6	**Trang phục ngành theo quy định** (theo Thông tư số: 26/2017/TT- BGTVT ngày 02/8/2017, quy định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu của công chức, viên chức và nhân viên Cảng vụ đường thủy nội địa. (12 người theo giá thực tế được duyệt của UBND tỉnh)	Người/năm	12
7	Tiền ăn giữa ca (theo văn bản số: 9694/BTC-CST, ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính V/v quản lý và sử dụng phí tại cảng, bến thủy nội địa) 12 người theo chế độ quy định hiện hành	Người/ ngày	12

Điều 11. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ Chủ trì phối hợp hoạt động với các cơ quan quản lý nhà nước khác tại cảng, bến thuỷ nội địa có tiếp nhận phương tiện nước ngoài (nếu có).

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	**Định mức lao động trực tiếp**	**Giờ/ ngày**	**32**
	Lãnh đạo (1 người x 1 ngày x 8 giờ), Giám đốc hoặc phó Giám đốc	Giờ	8
	Chuyên viên bộ phận chuyên môn (1 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	8
	Tổ cảng vụ quản lý địa bàn (2 người x 1 ngày x 8 giờ) Các cơ quan có liên quan	Giờ	16
2	**Định mức thiết bị, vật tư**		
	Sổ ghi chép	Quyển/năm	2
	Viết	Cây/năm	4
	Giấy A4	Gram/năm	2
	Bìa sơ mi cài nút	Cái/năm	5
3	**Nhiên liệu:** dùng cho xe mô tô		
	Áp dụng như Khoản 3 Điều 5	Lít/ngày	27.3
4	- 01 xe ô tô cho Lãnh đạo và các cơ quan phối hợp (thuê xe ô tô theo giá quy định hiện hành)	Chuyến	1
5	**Công tác phí trong tỉnh.**		
	(4 người x 1 ngày) (tính khoảng cách trên 15km theo Nghị quyết 89 của HĐND tỉnh Vĩnh Long)	Ngày/ người	4

Ghi chú: *Đi công tác bằng 01 phương tiện mô tô cá nhân của Tổ Cảng vụ quản lý địa bàn 02 người; 01 xe ô tô thuê để lãnh đạo và các cơ quan phối hợp cùng đi.*

Điều 12. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ Xây dựng quy hoạch phát triển cảng, bến thuỷ nội địa trong phạm vi quản lý khi có yêu cầu.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	**Định mức lao động trực tiếp**	**Giờ/ngày**	**24**
	Lãnh đạo (1 người x 1 ngày x 8 giờ), Giám đốc hoặc phó Giám đốc	Giờ	8
	Chuyên viên bộ phận chuyên môn (1 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	8
	Nhân viên lái ca nô (1 người x 1 ngày x 8 giờ)	Giờ	8
2	**Định mức thiết bị, vật tư**		
	Sổ ghi chép	Quyển/năm	2
	Viết	Cây/năm	4
	Giấy A4	Gram/năm	2
	Bìa sơ mi cài nút	Cái/năm	5
3	**Nhiên liệu:** dùng cho Ca nô 125CV		
	Xăng	Lít/giờ	60
	Nhớt	%	2
4	**Công tác phí trong tỉnh.**		
	(3 người x 1 ngày) (tính khoảng cách trên 15km theo Nghị quyết 89 của HĐND tỉnh Vĩnh Long)	Ngày/ người	3

Ghi chú: *Đi công tác bằng phương tiện ca nô tính cho 01 chuyến đi gồm 03 người, dự kiến là 1 ngày.*

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Sở GTVT;
- LĐ. VPUBND tỉnh;
- Cảng vụ ĐTNĐ;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Các Phòng nghiên cứu;
- Trung tâm Tin học –Công báo;
- Lưu: VT, 5.09.05.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Trung